TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/LĐ-ST
Ngày 29 - 8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

2. Ông Hoàng Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2025/TLST-LĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu)", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983, CCCD: 038183010883; địa chỉ thường trú: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Đ, tỉnh Thanh Hóa); địa chỉ tạm trú: Nhà trọ cô T, Tổ H, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH E; địa chỉ trụ sở: Đường T, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tùng L, sinh năm 1997, CCCD: 096097012775; địa chỉ thường trú: Ấp G, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là phường K, tỉnh Cà Mau); địa chỉ liên hệ: Đường T, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (giấy uỷ quyền ngày 15/5/2025). Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Thôn A B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã C, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt.

3.2 Bảo hiểm xã hội khu vực IV (Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Uyên); địa chỉ trụ sở: Khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

Khoảng thời gian năm 2008, bà Phạm Thị N có cho em gái ruột là bà Phạm Thị Ngọc M hồ sơ (CMND) để đi làm việc và ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E; địa chỉ: Đường T, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH E bà Phạm Thị N1 đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Công ty TNHH E từ tháng 6/2008 đến tháng 11/2008. Đến tháng 11/2008 thì Phạm Thị N1 nghỉ việc và chưa hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Cũng cùng khoảng thời gian này bà N làm việc tại Công ty TNHH D từ tháng 09/2008 đến tháng 02/2010 và đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần. Đến thời gian gần đây bà N đến BHXH tỉnh B để làm thủ tục gộp sổ Bảo hiểm xã hội (gọp thời gian tham gia bảo hiểm xã hội) tại các công ty khác nhau vì bà N đã làm việc tại nhiều công ty thì BHXH tỉnh B kiểm tra và phát hiện bà N có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trùng tại Công ty TNHH E từ tháng 6/2008 đến tháng 11/2008 (do bà Phạm Thị N1 tham gia) và tại Công ty TNHH D từ tháng 09/2008 đến tháng 02/2010 (do bà N tham gia, trùng thời gian từ tháng 9-11/2008). Vì vậy, theo quy định của pháp luật, cơ quan bảo hiểm đã hướng dẫn bà N khởi kiện để yêu cầu Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết với Công ty TNHH E là vô hiệu và huỷ bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH E từ tháng 6/2008 đến tháng 11/2008. Hiện nay, bà N đang làm việc tại Công ty TNHH S và đã tham gia bảo hiểm bắt buộc từ tháng 9/2012 đến nay.

Để đảm bảo sau này được hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định nên bà N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết giữa bà Phạm Thị N (do bà Phạm Thị N1 thực hiện) với Công ty TNHH E là vô hiệu. Huỷ bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của bà Phạm Thị N (do bà Phạm Thị N1 tham gia) tại Công ty TNHH E từ tháng 6/2008 đến tháng 11/2008.

Nguyên đơn giao nộp tài liệu chứng cứ: Biên bản làm việc ngày 18/3/2025 tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh B; Sổ bảo hiểm xã hội.

2. Bị đơn Công ty TNHH E trình bày: Xác nhận bà Phạm Thị N, sinh năm 1983, giấy CMND số 172950427 và CCCD số 038183010883 có làm việc tại Công ty TNHH E giai đoạn 06/2008 đến tháng 11/2008. Tuy nhiên trong quá trình làm

việc bà Phạm Thị N đã tự ý nghỉ việc (đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động). Công ty TNHH E đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn giao nộp tài liệu chứng cứ: Sổ BHXH, Tờ khai tham gia BHXH.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N1 trình bày*:* Bà Phạm Thị N1 là em gái ruột của bà Phạm Thị N. Bà N1 thống nhất với nội dung đơn khởi kiện. Trước đây bà N1 có mượn hồ sơ của chị gái là Phạm Thị N để làm việc tại Công ty TNHH E, có ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc từ tháng 06/2008 đến tháng 11/2008. Cùng thời gian này bà Phạm Thị N cũng làm việc tại Công ty TNHH D và ký hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 9/2008 đến tháng 02/2010. Do vậy, bà N có khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội ở hai công ty khác nhau với cùng một tên Phạm Thị N. Vì vậy, bà N1 đề nghị Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị N và Công ty TNHH E vô hiệu và xoá bỏ quá trình trùng bảo hiểm xã hội 06 tháng, từ tháng 06/2008 đến tháng 11/2008 để bà N được hưởng các quyền lợi bảo hiểm xã hội.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội khu vực IV (Bảo hiểm xã hội Thành phố T) trình bày: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983, CMND số 172950427, CCCD số 038183010883, quá trình và chế độ đã hưởng cụ thể:

- Mã số BHXH: 7408170303 (tham gia BHXH, BHYT, BHTNLĐ -BNN tại Văn phòng BHXH tỉnh B)

Quá trình từ tháng 6/2008 -11/2008 tại Công ty TNHH E, địa chỉ: T, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, chưa hưởng chế độ.

- Mã số BHXH: 7908276807 (tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN tại BHXH Thành phố T).

Quá trình từ tháng 9/2008 -02/2010 tại Công ty TNHH D, địa chỉ: C đường A, phường H, quận T, đã hưởng BHXH một lần.

- Mã số BHXH: 7410270925 (tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN tại Văn phòng BHXH tỉnh B).

Quá trình từ tháng 09/2010 -12/2010 tại Công ty TNHH V, địa chỉ: Số B, đường số I, KCN VSIP B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, chưa hưởng chế độ.

- Mã số BHXH: 7411163174 (tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN tại Văn phòng BHXH tỉnh B).

Quá trình từ 05/2011- 07/2012 tại Công ty TNHH O; địa chỉ: Số B đường số B, KCN Việt Nam S, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã hưởng chế độ thai sản, BHXH một lần, BHTN.

- Mã số BHXH: 7412260348 (tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ - BNN tại Văn phòng BHXH tỉnh B).

Quá trình từ tháng 09/2012 – 06/2025 tại Công ty TNHH S, địa chỉ: Số G, đường số G, KCN V, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã hưởng chế độ ốm đau.

Thời gian bị trùng: Mã số 7408170303 có quá trình từ tháng 6/2008 – 11/2008 tại Công ty TNHH E trùng quá trình với mã số 7908276807 từ tháng 9/2008 - 02/2010 tại Công ty TNHH D (trùng 09/2008 -11/2008).

Trường hợp Toà án tuyên hợp đồng vô hiệu đề nghị tuyên buộc người mượn hồ sơ tư pháp đi làm việc và tham gia BHXH, BHTN được điều chỉnh thông tin nhân thân đúng của người lao động.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp tài liệu chứng cứ: Không

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn, người quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 19 tháng 03 năm 2025, bà Phạm Thị N có đơn khởi kiện Công ty TNHH E về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và huỷ bỏ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội (do hợp đồng lao động vô hiệu). Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo quy định tại Điều 13, 49 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị N khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu) đối với Công ty TNHH E,

đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 5 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn Công ty TNHH E có địa chỉ trụ sở tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (nay là Toà án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu:

Theo nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày bà N có cho em gái ruột là bà Phạm Thị Ngọc M hồ sơ (CMND) để làm việc, ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E; địa chỉ: Đường T, Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH E bà Phạm Thị N1 đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Công ty TNHH E từ tháng 6/2008 đến tháng 11/2008. Đến tháng 11/2008 thì Phạm Thị N1 nghỉ việc và chưa hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định. Cũng cùng khoảng thời gian này bà N làm việc tại Công ty TNHH D từ tháng 09/2008 đến tháng 02/2010 và đã hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần. Vì vậy, bà N có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội trùng tại Công ty TNHH E từ tháng 6/2008 đến tháng 11/2008 (do bà Phạm Thị N1 tham gia) và tại Công ty TNHH D từ tháng 09/2008 đến tháng 02/2010 (do bà N tham gia), trùng thời gian từ tháng 9-11/2008.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH E trình bày bà Phạm Thị N có làm việc tại Công ty TNHH E giai đoạn 06/2008 đến tháng 11/2008. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N1 thừa nhận đã mượn hồ sơ của bà Phạm Thị N để ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH E từ tháng 6/2008 – 11/2008.

Xét thấy, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và văn bản trả lời của Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cở sở T1) thể hiện nội dung: "*Bà Phạm Thị N, sinh năm 1983, CMND số 172950427, CCCD số 038183010883; Mã số 7408170303 có quá trình từ tháng 6/2008 – 11/2008 tại Công ty TNHH E trùng quá trình với mã số 7908276807 từ tháng 9/2008 -02/2010 tại Công ty TNHH D (trùng 09/2008 -11/2008)".*

Như vậy, việc người khác (bà Phạm Thị N1) sử dụng thông tin của bà Phạm Thị N để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH E và đã tham gia bảo hiểm xã hội cho bà N từ tháng 6/2008 đến tháng 11/2008 là không đúng chủ thể khi xác

lập hợp đồng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15, 16 Bộ luật Lao động năm 2019), Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015) nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu. Vì vậy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa người lao động bà Phạm Thị N và người sử dụng lao động Công ty TNHH E là có cơ sở chấp nhận.

[2.1] Đối với yêu cầu huỷ thời gian tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của bà Phạm Thị N trong khoảng thời gian làm việc tại Công ty TNHH E: Đối với yêu cầu này của bà N thì sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N đối với bị đơn Công ty TNHH E về việc tranh chấp hợp đồng lao động (tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu).

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015);

- Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994Điều 15, 16, 49, 50 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N đối với bị đơn Công ty TNHH E về việc tranh chấp hợp đồng lao động (yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu)".

1.1 Tuyên bố hợp đồng lao động giao kết giữa bà Phạm Thị N và Công ty TNHH E vô hiệu.

1.2 Bảo hiểm xã hội khu vực IV (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở T) thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Phạm Thị N theo quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
-VKSND Khu vực 15 - TP. Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh N2